

Bản án: 156/2025/DS-ST

Ngày: 23 – 6 – 2025

V/v tranh chấp về
hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc T – Nhân viên Công ty Cổ phần S có ngay (Giấy ủy quyền số 1020/2025/UQ-SVN ngày 16/5/2025), có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Số B Quốc lộ I, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.
Số điện thoại: 0986 292 974.

2. Bị đơn: ông Võ Văn L, sinh năm 1966, (vắng mặt).

Nơi thường trú: Số H, tổ I, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0919 094 123.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đồng Thị T1, sinh năm 1966, (vắng mặt).

Nơi thường trú: Số H, tổ I, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S có ngay và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 Công ty Cổ phần S có ngay – chi nhánh A - TP C (tên cũ là Chi nhánh C – Công ty TNHH S1). Sau đây viết tắt là Công ty) và ông Võ Văn L (là bị đơn) ký Hợp đồng cầm cố số CDM220501005NA21X, tài sản cầm cố 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 67K1-973.01, số khung RLHJ|K0313MY505931, số máy JK03E2412591, màu sơn xanh nâu đen theo giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 67 005323 do Công an huyện P cấp ngày 25/5/2021 cho ông Võ Văn L đứng tên chủ xe, Công ty đang giữ giấy xe này. Việc cầm cố trên được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và được cấp Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 30/5/2022.

Số tiền cầm cố 18.000.000 đồng; thời hạn cầm cố 18 tháng tính từ ngày giải ngân 24/5/2022, đến hạn ngày 24/11/2023; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất: 1.1%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; các loại phí: phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, phí phạt vi phạm không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng.

Ngày 24/5/2022 Công ty giải ngân cho ông L bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của ông L số 6712263029875 tại Ngân hàng A1 – chi nhánh P, theo Phiếu thu ngày 24/5/2022.

Phương thức trả nợ gốc và lãi theo định kỳ hằng tháng, tiền gốc và tiền lãi cộng chung và chia đều trả mỗi tháng 1.189.000 đồng, trả vào ngày 24.

Cùng ngày 24/5/2022 Công ty cho ông L mượn lại xe cầm cố theo Giấy mượn xe ngày 24/5/2022, thời hạn mượn là 30 ngày từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/6/2022, trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 378.000 đồng/tháng.

Từ lúc ký Giấy mượn xe đến hạn một tháng ông L không trả xe lại. Hiện tại Công ty không biết ông L còn giữ xe cầm cố hay không và lưu giữ ở đâu.

Sau khi cầm cố ông L chỉ thanh toán số tiền 1.537.000 đồng, trong đó tiền gốc 871.000 đồng, lãi 198.000 đồng, phí 468.000 đồng. Đến nay đã hết thời hạn cầm cố, tính đến ngày 19/10/2024 (ngày khởi kiện) ông L còn nợ tổng cộng 39.593.985 đồng, trong đó tiền gốc 17.129.000 đồng, lãi trong hạn 5.325.977 đồng, lãi quá hạn 2.662.989 đồng, phí quản lý hồ sơ 2.420.899 đồng, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% trên dư nợ thực tế 1.370.320 đồng, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 10.684.800 đồng.

Ngày 15/5/2025 và tại phiên tòa chị T (đại diện nguyên đơn) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 14.476.019 đồng, trong đó phí quản lý hồ sơ 2.420.899 đồng, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% trên dư nợ thực tế 1.370.320

đồng, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 10.684.800 đồng , vì các phí trên không phù hợp với quy định của pháp luật.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên Công ty yêu cầu ông L phải trả số tiền gốc 17.129.000 đồng, tiền lãi 7.988.966 đồng (lãi trong hạn 5.325.977 đồng, lãi quá hạn 2.662.989 đồng), cộng chung tiền gốc và tiền lãi **25.117.966 đồng**. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh **trên dư nợ gốc** từ ngày 20/10/2024 đến khi trả đủ tiền gốc theo Hợp đồng cầm cố số CDM220501005NA21X ngày 24/5/2022.

Trường hợp ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ nợ thì ông L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty.

- Ông Võ Văn L (là bị đơn) và bà Đồng Thị T1 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông L và bà T1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn về số tiền **14.476.019 đồng**; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay, buộc ông Võ Văn L trả cho Công ty số tiền gốc 17.129.000 đồng, lãi trong hạn 5.325.977 đồng, lãi quá hạn 2.662.989 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 20/10/2024 đến khi trả đủ nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố; bị đơn không thực hiện trả nợ, Công ty được quyền yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ; về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn L trả tiền cầm cố tài sản, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Võ Văn L và bà Đồng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà T1.

[1.3] Đối với yêu cầu của Công ty, mặc dù tại các đơn khởi kiện Công ty đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn L trả 39.593.985 đồng tiền cầm cố tài sản, nhưng ngày 15/5/2025 và tại phiên tòa chỉ T (đại diện Công ty) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền **14.476.019 đồng**, chỉ còn yêu cầu ông L trả số tiền **25.117.966 đồng** và tiền lãi phát sinh. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về số tiền **14.476.019 đồng**; sau này Công ty được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật. Công ty không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán tiền cầm cố tài sản tiền gốc và lãi **25.117.966 đồng**, trong đó tiền gốc 17.129.000 đồng, tiền lãi 7.988.966 đồng (**tạm tính đến ngày 19/10/2024**) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số CDM220501005NA21X ngày 24/5/2022 cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, ông L đã cầm cố tài sản cho Công ty theo Hợp đồng cầm cố số CDM220501005NA21X ngày 24/5/2022 giữa Công ty và ông L và hiện nay ông L còn nợ số tiền trên là có thật.

[2.2] Do ông L vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên Công ty yêu cầu ông L trả tiền gốc và tiền lãi tổng cộng **25.117.966 đồng**, trong đó tiền gốc 17.129.000 đồng, tiền lãi 7.988.966 đồng (**tạm tính đến ngày 19/10/2024**) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố là có căn cứ.

[2.3] Hợp đồng cầm cố số CDM220501005NA21X ngày 24/5/2022 giữa Công ty và ông L được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và được cấp Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 30/5/2022. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Do đó, Hợp đồng cầm cố trên có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hai bên ký kết hợp đồng.

[2.6] Bà Đồng Thị T1 không có yêu cầu độc lập, nên không xem xét. Nếu bà T1 có yêu cầu tranh chấp tài sản chung (chiếc xe Vision cầm cố) giữa bà với ông L thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.7] Từ nhận định trên, căn cứ Điều 309, khoản 2 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền

25.117.966 đồng (làm tròn số 25.118.000 đồng), trong đó tiền gốc 17.129.000 đồng, tiền lãi 7.988.966 đồng (tạm tính đến ngày 19/10/2024); tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 20/10/2024 đến khi thanh toán đủ nợ theo Hợp đồng cầm cố. Nếu bị đơn không trả đủ số tiền nêu trên thì Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ theo Hợp đồng số CDM220501005NA21X ngày 24/5/2022 giữa Công ty và ông L. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ nợ thì ông L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty. Khi ông L trả đủ nợ, Công ty phải trả lại cho ông L giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 67 005323 do Công an huyện P cấp ngày 25/5/2021 cho ông Võ Văn L đứng tên chủ xe.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn là ông L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 309, khoản 2 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền **14.476.019 đồng**.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay và người đại diện hợp pháp của Công ty là chị Nguyễn Thị Ngọc T.
 - Buộc ông Võ Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền gốc 17.129.000 đồng, tiền lãi 7.988.966 đồng (tạm tính đến ngày 19/10/2024), cộng chung 25.118.000 đồng (bằng chữ: hai mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn đồng).
 - Kể từ ngày 20/10/2024 đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số CDM220501005NA21X ngày 24/5/2022 giữa Công ty cổ phần S có ngay – chi nhánh A - TP C (tên cũ là Chi nhánh C – Công ty TNHH S1) và ông Võ Văn L.
 - Nếu ông Võ Văn L không trả đủ số tiền nêu trên thì Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ theo Hợp đồng cầm cố số CDM220501005NA21X ngày 24/5/2022 giữa Công ty cổ phần S có ngay – chi nhánh A - TP C (tên cũ là Chi nhánh C – Công ty TNHH S1) và ông Võ Văn L. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ nợ thì ông L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty.

- Khi ông L trả đủ nợ, Công ty phải trả lại cho ông L giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 67 005323 do Công an huyện P cấp ngày 25/5/2021 cho ông Võ Văn L đứng tên chủ xe.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn L phải chịu 1.256.000đ đồng.

- Hoàn trả 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần S có ngay theo biên lai thu tiền số 0011728 ngày 30/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Công ty cổ phần S có ngay có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn L và bà Đồng Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương